

Án số: 72/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 13/8/2019  
“ V/v: Tranh chấp ly hôn  
và con chung”

## NHÂN DANH

☐ OC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim K

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Văn X

2. Bà Nguyễn Thị Kim Th

Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thu H

cán bộ Tòa án nhân dân TP TN tỉnh N.

Đại diện VKSNDTPTN: Không tham gia.

Ngày 13/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 307/2019/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2019 theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 61/2019/QĐXX ngày 25/6 /2019 giữa các đ- ơng sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Chí T, sinh năm 1983

Trú quán: Tổ 27, phường P, thành phố TN

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Như Q, sinh năm 1983

Trú tại: Tổ 20, phường Tr, thành phố TN

Đều tạm trú: Tổ 21 phường TD, thành phố TN

(Chị T có mặt, anh Q vắng mặt tại phiên tòa)

### NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn ly hôn, bản tự khai và các văn bản do Tòa án lập, chị T trình bày:

Chị kết hôn cùng anh Nguyễn Như Q năm 2005, có đăng ký tại UBND phường Tr, thành phố TN trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung Nguyễn Thị Hoài Th, sinh ngày 14/6/2006; Nguyễn Hải L, sinh ngày 06/3/2012. Lý do xin ly hôn: Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống trong các dạy bảo con cái, các sinh hoạt vì lý do này mà quan hệ vợ chồng trở nên căng thẳng, vợ chồng đã có nhiều lần cùng ngồi bàn cách giải quyết những mâu thuẫn nhưng không có kết quả, vợ chồng không có sự tôn trọng

nhau. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn với anh Q để ổn định tư tưởng. Khi ly hôn về con chung chị nhận trực tiếp nuôi dưỡng hai con, có yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Q khai: Anh công nhận về thời gian kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng đúng như anh chị T đã khai, đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn anh không đồng ý, tuy nhiên trong biên bản hòa giải anh Q đồng ý ly hôn. Về con chung: Có hai con chung như chị T đã khai, khi ly hôn anh xin nhận nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được vì vậy vụ kiện phải đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa ngày hôm nay.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã giao văn bản tố tụng cho anh Q theo quy định của pháp luật, nhưng anh Q vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt anh Q.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Chí T và anh Nguyễn Như Q kết hôn đủ điều kiện được công nhận hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống nên đổ vỡ về tình cảm, vợ chồng không có sự tôn trọng, thương yêu nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc, vì vậy chấp nhận đơn ly hôn của chị Nguyễn Chí T cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Như Q như vậy là phù hợp với thực tế và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung Nguyễn Thị Hoài T, sinh ngày 14/6/2006; Nguyễn Hải L, sinh ngày 06/3/2012. Khi ly hôn giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con vì con còn nhỏ là con gái và các con đều có nguyện vọng được ở với mẹ như vậy là phù hợp với thực tế và Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị T có yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con cho cháu Nguyễn Hải L 2.000.000đồng/tháng (Hai triệu đồng). Xét thấy yêu cầu của chị T là phù hợp vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; Anh Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; Điều 28, 35, 146, 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án có hiệu lực thi hành từ ngày 01.01.2017.

### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn ly hôn của chị Nguyễn Chí T, cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Như Q.

2. Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng hai con Nguyễn Thị Hoài Z, sinh ngày 14/6/2006; Nguyễn Hải L, sinh ngày 06/3/2012 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Q có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Q phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho cháu Nguyễn Hải L. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử án sơ thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước, được chuyển từ tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0001587 ngày 22/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN.

Anh Quân phải nộp 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con để nộp ngân sách nhà nước.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án và người phải thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết trong hạn 15 ngày, chị T được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày tuyên án; Đối với anh Q kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án tại địa phương.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TN
- VKSNDTTN
- VKSND TPTN
- THADSTPTN
- Đương sự
- UBND p. Trưng Vương
- Lưu HS

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Kim T**





